

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 28/2019/HS-ST
Ngày 29-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Với Th phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Công Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Ký; 2. Ông Lê Thanh Hải;

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa:
Ông Lê Anh Ng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2019, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2019 đối với:

Bị cáo: Lê Bá C; Sinh ngày 20 tháng 9 năm 1983 tại xã Yên Lễ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn Xuân Thịnh, xã Yên Lễ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lái xe; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thổ; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông: Lê Bá D và bà Lê Thị C; Có vợ tên là Lê Thị Th; Tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/07/2019 cho đến nay (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hà Thị Q. Sinh ngày 11 tháng 08 năm 1979; Nơi cư trú: Thôn Tân Th, xã Thanh Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt)

2. Chị Hà Thị Th. Sinh ngày 16 tháng 09 năm 1979; Nơi cư trú: Thôn Giảng, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt)

3. Chị Lữ Thị Th1; Sinh ngày 12 tháng 06 năm 1986; Nơi cư trú: Thôn Ná Cà 1, xã Thanh Quân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt)

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn Ng. Sinh ngày 13 tháng 7 năm 1994. Nơi cư trú: Thôn Thanh Vân, xã Cát Tân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)
2. Anh Lê Khắc L. Sinh ngày 12 tháng 05 năm 1985; Nơi cư trú: Thôn Xuân Thịnh, xã Yên Lễ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)
3. Anh Lương Văn Ph Sinh ngày 15 tháng 09 năm 1975; Nơi cư trú: Thôn Tân Th, xã Thanh Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)
4. Chị Lữ Thị D. Sinh ngày 18 tháng 08 năm 1986; Nơi cư trú: Thôn Làng Xăm, xã Thanh Ph, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt nhursau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 28/06/2019, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân có 02 đối tượng đi xe ô tô đến nhà chi Hà Thị Q ở thôn Tân Thanh, xã Thanh Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa để đòi tiền lãi. Tổ công tác Công an huyện Như Xuân đã tiến hành kiểm tra phát hiện tại phòng khách nhà chị Q có 05 người, gồm: chị Q, anh Lương Văn Ph (cH chị Q), chị Hà Thị Th (bạn chị Q), Lê Bá C (chủ nợ) và Lê Khắc L (người đi cùng C). Quá trình kiểm, Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản tạm giữ tiền và một số đồ vật liên quan, gồm: 01 tờ giấy A4, trong giấy có nội dung về việc chị Q trả tiền lãi cho Lê Bá C, có chữ ký của C; Số tiền VNĐ là 4.000.000đ; 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu SONY F3116, màu H của Lê Bá Cường; 01 chiếc điện thoại di động OPPO F7, màu xám của chị Hà Thị Q và 01 điện thoại di động VSMART JOY 1, màu xanh Ng của Lê Khắc L, tình trạng của các máy điện thoại di động đang hoạt động bình thường.

Quá trình điều tra, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khai báo như sau:

Chị Hà Thị Q khai báo: Từ tháng 02/2018 đến tháng 8/2018, chị Q vay của Lê Bá C là 09 lần với tổng số tiền vay là 145.000.000đ, cụ Th1 như sau:

Lần thứ 1: Vào khoảng tháng 11/02/2018, chị Q vay C số tiền là 20.000.000đ;

Lần thứ 2: Vào ngày 27/02/2018, chị Q vay C số tiền là 20.000.000đ;

Lần thứ 3: Vào ngày 05/04/2018, chị Q vay C số tiền là 15.000.000đ;

Lần thứ 4: Vào ngày 19/04/2018, chị Q vay C số tiền là 24.000.000đ;

Lần thứ 5: Vào ngày 10/06/2018, chị Q vay C số tiền là 10.000.000đ;

Lần thứ 6: Vào ngày 11/06/2018, chị Q vay C số tiền là 6.000.000đ;

Lần thứ 7: Vào ngày 12/07/2018, chị Q vay C số tiền là 20.000.000đ;

Lần thứ 8: Vào ngày 15/07/2018, chị Q vay C số tiền là 10.000.000đ; *Lần thứ 9:*

Vào ngày 31/08/2018, chị Q vay C số tiền là 20.000.000đ.

Khi vay tiền Lê Bá C tính lãi suất như sau: tháng đầu tiên C tính lãi 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tiền lãi được cắt trực tiếp vào tiền gốc khi nhận tiền (tức là nếu chị Q vay 10.000.000 đồng thì C chỉ đưa cho chị Q 8.500.000 đồng và cắt luôn 1.500.000 đồng tiền lãi vào tiền gốc nhưng số tiền gốc vay vẫn là 10.000.000 đồng); tháng thứ hai C tính lãi 4000 đồng/1 triệu/1 ngày; tháng thứ ba C tính lãi 3000 đồng/1 triệu/1 ngày; từ tháng thứ tư trở đi C tính lãi 2000đồng/1 triệu/1 ngày. Vào tháng 11/2018 chị Q đã trả cho C được 10.000.000 đồng tiền gốc của lần vay thứ 8 vào ngày 15/7/2018, ngoài ra chị Q đã trả đầy đủ tiền lãi của các lần vay từ thời điểm vay đến hết tháng 01/2019 cho Lê Bá C. Từ tháng 02/2019 trở đi, do chị Q không có tiền để tiếp tục trả lãi nên trong tháng 02/2019 Lê Bá C đã gặp và yêu cầu chị Q cùng anh Lương Văn Ph (cH chị Q) viết một giấy vay tiền mới với tổng số tiền gốc là 147.000.000 đồng, trong đó có 135.000.000 đồng tiền gốc và 12.000.000 đồng tiền lãi của tháng 02/2019 và tháng 3/2019. Lúc chị Q viết giấy vay tiền mới, C đã yêu cầu chị Q viết lùi thời gian trên giấy vay tiền lại Th ngày 10/8/2018 và Th1 hiện mức lãi suất chỉ là 20%/1 năm nhằm che dấu hành vi phạm tội của mình, tránh bị cơ quan chức năng truy cứu và Th2 lợi cho việc thu nợ nếu xảy ra khiếu kiện. Tuy nhiên, trên thực tế hàng tháng C vẫn tính lãi suất 2000 đồng/1 triệu/1 ngày với chị Q. Do bị C liên tục gọi điện và đến trường học nơi chị Q đang công tác để đòi nợ nên vào sáng ngày 28/6/2019 vợ cH chị Q đã gọi điện cho Lê Bá C đến nhà để trả tiền lãi, C đồng ý và hẹn đầu giờ chiều đến lấy tiền. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Lê Bá C cùng với Lê Khắc L đi Th phố Thanh Hóa khám chữa bệnh về và đến thẳng nhà chị Q để lấy tiền. Sau khi nói chuyện, chị Q lấy 4.000.000 đồng trả cho Lê Bá C và yêu cầu C viết giấy xác nhận. Khi C đang viết giấy nhận tiền thì Tổ công tác Công an huyện Như Xuân đã tiến hành kiểm tra và lập biên bản. Lê Bá C đã thừa nhận toàn bộ hành vi cho vay và thu số tiền lãi của 09 lần vay là 95.880.000đ từ chị Q.

Chị Hà Thị Th khai báo: từ ngày 14/3/2018 đến tháng 6/2018, chị đã gặp và vay tiền của Lê Bá C 3 lần với tổng số tiền là 90.000.000đ, cụ Th1:

Lần thứ 1: Vào ngày 14/03/2018 chị Th vay của Lê Bá C số tiền 50 triệu đồng.

Lần thứ 2: Vào ngày 18/5/2018 chị Th vay của Lê Bá C số tiền 20 triệu đồng.

Lần thứ 3: Khoảng tháng 06/2018 chị Th vay của Lê Bá C số tiền 20 triệu đồng.

Khi vay tiền Lê Bá C tính lãi suất như sau: tháng đầu tiên C tính lãi 5000 đồng/1 triệu/1 ngày, tiền lãi được cắt trực tiếp vào tiền gốc khi nhận tiền (tức là nếu chị Q vay 10.000.000 đồng thì C chỉ đưa cho chị Q 8.500.000 đồng và cắt luôn 1.500.000 đồng tiền lãi vào tiền gốc nhưng số tiền gốc vay vẫn là 10.000.000 đồng); tháng thứ hai C tính lãi 4000 đồng/1 triệu/1 ngày; tháng thứ ba C tính lãi 3000 đồng/1 triệu/1 ngày; từ tháng thứ tư trở đi C tính lãi 2000 đồng/1 triệu/1 ngày. Lê Bá C đã thu tiền lãi các lần vay của Hà Thị Th từ khi vay cho đến hết tháng 01/2019, còn từ tháng 02/2019 đến nay C không thu được lãi từ chị Th nữa do chị Th không còn điều kiện, khả năng trả. Do đó, ngày 14/5/2019, C yêu cầu chị Th viết một giấy vay tiền mới với tổng số tiền vay là 100.000.000 đồng, trong đó có 10.000.000 đồng là tiền lãi các lần vay của chị Th từ tháng 02/2019 đến tháng 5/2019 và 90.000.000 đồng tiền gốc. Để che dấu hành vi vi phạm và Th2 lợi cho việc thu nợ nếu có khiếu kiện, C cũng yêu cầu chị Th viết lùi thời gian trên giấy vay tiền lại giống chị Q là Th ngày 14/05/2018 với mức lãi suất là 20%/1 năm và với cách thức thu lãi và mục đích như đối với chị Q. Lê Bá C đã thừa nhận toàn bộ hành vi cho vay và thu số tiền lãi 65.400.000đ từ chị Th.

Chị Hà Thị Q, chị Hà Thị Th khai báo: đối với các khoản vay nêu trên chị Q, chị Th đã trả tiền lãi cho Lê Bá C bằng cách gộp trực tiếp để trả hoặc trả trả lãi qua chuyển khoản ngân hàng trực tiếp tại ngân hàng hoặc qua chuyển khoản từ ứng dụng E-Mobile Banking từ tài khoản của mình sang số tài khoản ngân hàng VP Bank của C (số TK là 111801697) hoặc gửi trả tiền lãi qua cửa hàng giao dịch của Viettel hoặc trả trả cho anh Ng (là người đi thu lãi cho C) hoặc gửi người quen đưa tiền lãi cho C.

Chị Lữ Thị Th1 khai báo: vào tháng 02/2018, chị đã vay tiền của Lê Bá C hai lần với tổng số tiền là 40.000.000đ, cụ Th1 như sau:

Lần thứ 1: Vào ngày 05/02/2018, chị Th1 vay của Lê Bá C số tiền 20 triệu đồng;

Lần thứ 2: Vào ngày 11/02/2018, chị Th1 vay thêm C số tiền 20 triệu đồng.

Khi vay tiền Lê Bá C tính lãi suất như sau: tháng đầu tiên C tính lãi 5000 đồng/1 triệu/1 ngày, tiền lãi được cắt trực tiếp vào tiền gốc khi nhận tiền (tức là nếu chị Th1 vay 10.000.000 đồng thì C chỉ đưa cho chị Th1 8.500.000 đồng và

cất luôn 1.500.000 đồng tiền lãi vào tiền gốc nhưng số tiền gốc vay vẫn là 10.000.000 đồng); tháng thứ hai C tính lãi 4000 đồng/1 triệu/1 ngày; tháng thứ ba C tính lãi 3000 đồng/1 triệu/1 ngày; từ tháng thứ tư trở đi C tính lãi 2000 đồng/1 triệu/1 ngày. Tuy nhiên, chị Th1 chỉ vay tiền của Lê Bá C đến đầu tháng 5/2018 thì hoàn trả đầy đủ số tiền gốc và lãi cho Lê Bá C; số tiền lãi chị Lữ Thị Th1 đã trả cho Lê Bá C là 03 tháng với tổng số tiền là 14.400.000 đồng. Lê Bá C đã thừa nhận toàn bộ việc cho vay và thu số tiền lãi 14.400.000 đồng của chị Lữ Thị Th1 bằng cách gặp trực tiếp để trả.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Xuân đã có Công văn số 136/CV-CSĐT ngày 02/07/2019 gửi Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thanh Hóa để xác định mức lãi suất cho vay và số tiền lãi đã thu vượt quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Ngày 04/07/2019 Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thanh Hóa đã có Công văn số: 575/THH2 trả lời với nội D: Mức lãi suất cao nhất Lê Bá C đã thu là 183%/1 năm, mức lãi suất này tương đương với số tiền 5000 đồng/1 triệu/1 ngày; Mức lãi thấp nhất Lê Bá C đã thu là 73%/1 năm, mức lãi suất này tương đương với số tiền 2000 đồng/1 ngày/1 ngày. Tổng số tiền Lê Bá C thu lợi vượt quá 5 lần mức quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự đối với các khoản vay của chị Q là: 45.049.315 đồng, chị Th là: 27.961.645 đồng, chị Th1 là 12.427.398 đồng. Tổng số tiền C thu lợi bất chính đối với cả ba người là: 85.438.358 đồng (Tám lăm triệu bốn trăm ba tám nghìn ba trăm năm tám đồng).

Quá trình điều tra, còn xác định: vào đầu năm 2018 chị Lữ Thị D (sinh năm 1986, trú tại Làng Xăm, xã Thanh Ph, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa) đã gặp và vay của Lê Bá C số tiền 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị D chỉ vay vài ngày và hoàn trả đầy đủ số tiền đã vay cho Lê Bá C nên C không lấy tiền lãi của chị D; vào ngày 24/10/2018 chị Lê Thị H (sinh năm 1986, trú tại thôn Tân Hòa, xã Thanh Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa) có vay của Lê Bá C số tiền 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, do chị H chỉ vay 2 đến 3 ngày và hoàn trả đầy đủ số tiền đã vay cho Lê Bá C nên C không lấy tiền lãi của chị H.

Tại cáo trạng số 26/CT-VKSNX ngày 02 tháng 10 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa Q định truy tố bị cáo Lê Bá C về tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội D bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 201 BLHS; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 35 BLHS. Tuyên bố các bị cáo Lê Bá C, phạm tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự".

Đề nghị tuyên phạt bị cáo Lê Bá C từ 80 đến 100 triệu đồng.

- Không áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS là hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; án phí và lệ phí Nghị Q 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

*** Về vấn đề khác:**

- Đối với tổng số tiền 128.682.740đ và 12.427.944đ: đây là số tiền C thu lợi vượt mức quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự đối với các khoản vay của chị Q, chị Th và chị Th1. Số tiền này tài sản hợp pháp của chị Q, chị Th và chị Th1, C không sử dụng số tiền vào mục đích bất hợp pháp (đánh bạc, mua bán trái phép chất ma túy...) nên C sẽ phải trả lại cho chị Q, chị Th và chị Th1.

- Đối với tổng số tiền 32.597.260đ, số tiền 1.972.056đ và số tiền 4.000.000đ (hiện đang tạm giữ): đây là số tiền lãi tương ứng với lãi suất dưới 20%/năm đối với các khoản vay mà chị Q, chị Th, chị Th1 đã trả cho C. Tổng số tiền này là số tiền phát sinh từ hoạt động cho vay lãi của C nên cần phải tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền chị Q vay C là 145.000.000đ, chị Th vay C là 90.000.000đ, chị Th1 vay C là 40.000.000đ: đây là số tiền gốc mà C cho vay, số tiền này được xác định là phương tiện để C phạm tội nên đề nghị HĐXX tịch thu sung công quỹ nhà nước. Số tiền này hiện chị Th và chị Q chưa trả lại cho C nên đề nghị HĐXX buộc chị Th và chị Q trả lại cho C để C nộp sung công quỹ nhà nước; số tiền 40.000.000đ chị Th1 đã trả lại cho C nên C phải nộp sung công quỹ nhà nước.

*** Về vật chứng:** Áp dụng điều 47 BLHS 2015 và điều 106 BLTTHS 2015 đề nghị HDXX :

- Tịch thu sung công số tiền 4.000.000đ, đây là số tiền lãi tương ứng với lãi suất dưới 20%/năm đối với các khoản vay mà chị Q, chị Th đã trả cho C, số tiền này là số tiền phát sinh từ hoạt động cho vay lãi của C. Số tiền này hiện đang trong tài khoản tạm gửi của Chi cục THADS huyện Như Xuân tại Kho bạc nhà nước huyện Như Xuân, chờ xử lý theo quy định.

Bị cáo không tranh luận gì với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo nhận tội, tỏ ra ăn năn hối cải và xin HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan H của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Xuân, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Q định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và những người làm chứng, cùng với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2018 đến tháng 8/2018, Lê Bá C đã cho chị Hà Thị Q vay 09 lần với tổng số tiền là 145.000.000 đồng; cho chị Hà Thị Th vay 3 lần với tổng số tiền là 90.000.000 đồng; cho chị Lữ Thị Th1 vay 02 lần với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Với cách tính lãi là tháng đầu tiên C tính lãi 5000đồng/1 triệu/1 ngày, tiền lãi tháng đầu được trừ trực tiếp vào tiền gốc khi nhận tiền (tức là nếu vay 10.000.000 đồng thì C chỉ đưa cho những người vay 8.500.000 đồng và trừ luôn 1.500.000 đồng tiền lãi vào tiền gốc nhưng số tiền gốc vay vẫn là 10.000.000 đồng); tháng thứ hai C tính lãi 4000 đồng/1 triệu/1 ngày; tháng thứ ba C tính lãi 3000 đồng/1 triệu/1 ngày; từ tháng thứ tư trở đi C tính lãi 2000 đồng/1 triệu/1 ngày nhằm thu lợi bất chính. Mức lãi suất cao nhất Lê Bá C đã thu là 183%/1 năm, mức lãi suất này tương đương với số tiền 5000 đồng/1 triệu/1 ngày (gấp 9,1 lần của mức lãi xuất cao nhất quy định trong bộ luật dân

sự); Mức lãi thấp nhất Lê Bá C đã thu là 73%/l năm, mức lãi suất này tương đương với số tiền 2000 đồng/1 triệu/ 1 ngày. Số tiền Lê Bá C thu lợi bất chính vượt quá 5 lần mức quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự đối với các khoản vay của chị Q là: 45.049.315 đồng, chị Th là: 27.961.645 đồng, chị Th1 là 12.427.398 đồng. Tổng số tiền C thu lợi bất chính đối với cả ba người là: 85.438.358 đồng (Tám lăm triệu bốn trăm ba tám nghìn ba trăm năm tám đồng); Do đó, hành vi của bị cáo Lê Bà C đủ yếu tố cấu Th tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015 như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi, hậu quả thấy rằng: Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm lợi ích của công dân, vi phạm pháp luật hình sự. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Tuy nhiên, khi Q định hình phạt cũng nên xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền, án tiền sự; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo từng có thời gian phục vụ trong quân đội. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã Th khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải trước lỗi lầm đã phạm và mong được hưởng sự khoan H của pháp luật nên khi lượng hình cần được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Xét thấy hành vi của bị cáo vì mục đích vụ lợi và ít nghiêm trọng nên áp dụng hình phạt chính là phạt tiền là phù hợp.

[4] Xét về hình phạt bổ sung: Không áp dụng khoản 3 Điều 201 đối với bị cáo vì đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền và tịch thu hoặc trả lại toàn bộ số tiền gốc cũng như tiền lãi từ hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Xét về phần dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, giữa bị cáo; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải Q trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Xét về vật chứng; Biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu SONY F3116, màu H, tình trạng máy hoạt động bình thường của Lê Bá C; 01 chiếc điện thoại di động OPPO F7, màu xám, tình trạng máy hoạt động bình thường của chị Hà Thị Q và 01 điện

thoại di động VSMART JOY 1, màu xanh Ng, tình trạng máy hoạt động bình thường của Lê Khắc L. Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra, kết quả không có nội D liên quan đến việc cho vay lãi. Vì vậy Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền mà bị cáo thu lợi bất chính của những người vay nên được trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Cụ Th1 buộc bị cáo Lê Bá C phải trả lại như sau:

+ Trả lại cho chị Hà Thị Q số tiền là: 76.762.192đ (Bảy sáu triệu bảy trăm sáu hai nghìn một trăm chín hai đồng).

+ Trả lại cho chị Hà Thị Th số tiền là: 51.920.548đ (Năm một triệu chín trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn tám đồng).

+ Trả lại cho chị Lữ Thị Th1 số tiền là 12.427.398đ (Mười hai triệu bốn trăm hai bảy nghìn ba trăm chín tám đồng).

- Đối với số tiền gốc là phương tiện phạm tội trong vụ án cần truy thu tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Tổng cộng là: 275.000.000đ (Hai trăm bảy lăm triệu đồng). Cụ Th1:

+ Truy thu tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền cho vay gốc từ chị Hà Thị Q đang nợ của bị cáo C là 135.000.000đ (Một trăm ba lăm triệu đồng).

+ Truy thu tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền cho vay gốc từ chị Hà Thị Th đang nợ của bị cáo C là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

+ Truy thu tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền cho vay gốc từ bị cáo C đã thu về là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Trong đó, gồm số tiền cho chị Lữ Thị Th1 vay 40.000.000 đồng và chị Hà Thị Q vay 10.000.000đ.

- Đối với số tiền lãi tương đương với mức lãi xuất trong khoảng 20%/ năm phát sinh từ tội phạm mà bị cáo C đã thu lợi của những người liên quan, tổng cộng là: 38.569.862đ (Ba mươi tám triệu năm trăm sáu chín nghìn tám trăm sáu hai đồng) cần truy thu tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Trong đó bao gồm:

+ Truy thu tịch thu số tiền lãi tương ứng mức lãi xuất 20%/năm mà bị cáo C đã thu lợi từ số tiền gốc cho chị Hà Thị Q vay là: 19.117.808đ (Mười chín triệu một trăm mười bảy nghìn tám trăm lẻ tám đồng).

+ Tịch thu số tiền lãi tương ứng mức lãi xuất 20%/năm mà bị cáo C đã thu lợi từ số tiền gốc cho chị Hà Thị Q vay là: 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Số tiền này

hiện đang tạm giữ tại tài khoản tạm gửi của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân: 3949-9013005 mở tại Kho bạc nhà nước huyện Như Xuân, theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số CT: 0001745 ngày 15/7/2019.

+ Truy thu tịch thu số tiền lãi tương ứng mức lãi xuất 20%/năm mà bị cáo C đã thu lợi từ số tiền gốc cho chị Hà Thị Th vay là: 13.479.452đ (Mười ba triệu bốn trăm bảy chín nghìn bốn trăm năm hai đồng).

+ Truy thu tịch thu số tiền lãi tương ứng mức lãi xuất 20%/năm mà bị cáo C đã thu lợi từ số tiền gốc cho chị Lữ Thị Th1 vay là: 1.972.602đ (Một triệu chín trăm bảy hai nghìn sáu trăm lẻ hai đồng).

[7] Về các vấn đề khác:

- Đối với anh Nguyễn Văn Ng; sinh năm 1994 ở thôn Thanh Vân, xã Cát Tân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2018 đến tháng 01/2019, Ng đã đi theo và làm việc cho Lê Bá C với công việc là đi cùng với C khi có người vay tiền, đi thu tiền lãi cùng với C và khi C có việc bận thì Ng đi thu lãi thay C. Trong thời gian 03 tháng làm việc cho C thì Ng được C trả 9.000.000đ tiền thù lao, sau đó Ng đã nghỉ không làm việc cho C nữa và không đi cùng với C thêm lần nào khác. Tổng số tiền lãi mà C thu của những người vay gấp trên 5 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015 dưới 30.000.000đ. Do đó, chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn Ng về hành vi đồng phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Đối với Lê Khắc L, sinh năm 1985 ở thôn Xuân Thịnh, xã Yên Lễ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa: Quá trình điều tra xác định L chỉ đi cùng, không làm việc cho C và cũng không nhận được bất kỳ tiền thù lao nào từ C. Tất cả số tiền mà chị Q vay đều là tiền của C. Do đó, không đủ căn cứ để xử lý và truy cứu trách nhiệm đối với Lê Khắc L là phù hợp.

- Đối với Trần Ng Th2, sinh năm 1985 ở thôn Làng Sao, xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập đối với Trần Ng Th2 nhưng Th2 không có mặt theo yêu cầu, cơ quan điều tra đã xác minh, được biết Th2 đã bỏ đi khỏi địa phương kể từ đầu tháng 03/2019 đến nay không về, gia đình không biết Th2 đi đâu, làm gì. Hội đồng xét xử đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ sau để xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về phần tội danh, điều luật, tình tiết giảm nhẹ cũng như mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo C là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 BLHS.

Tuyên bố: bị cáo Lê Bá C, phạm tội: “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Bá C 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- Buộc Lê Bá C phải trả lại số tiền lãi đã thu không có hiệu lực cho những người có quyền lợi liên quan. Cụ thể:

+ Trả lại cho chị Hà Thị Q số tiền là: 76.762.192đ (Bảy sáu triệu bảy trăm sáu hai nghìn một trăm chín hai đồng).

+ Trả lại cho chị Hà Thị Th số tiền là: 51.920.548đ (Năm một triệu chín trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn tám đồng).

+ Trả lại cho chị Lữ Thị Th1 số tiền là 12.427.398đ (Mười hai triệu bốn trăm hai bảy nghìn ba trăm chín tám đồng).

- Truy thu tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền gốc là phương tiện phạm tội trong vụ án. Tổng cộng là: 275.000.000đ (Hai trăm bảy lăm triệu đồng). Cụ thể:

+ Truy thu tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền cho vay gốc từ chị Hà Thị Q đang nợ của bị cáo C là 135.000.000đ (Một trăm ba lăm triệu đồng).

+ Truy thu tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền cho vay gốc từ chị Hà Thị Th đang nợ của bị cáo C là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

+ Truy thu tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền cho vay gốc từ bị cáo C đã thu về là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Trong đó, gồm số tiền cho chị Lữ Thị Th1 vay 40.000.000 đồng và chị Hà Thị Q vay 10.000.000đ.

- Truy thu tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền lãi tương đương với mức lãi xuất trong khoảng 20%/ năm phát sinh từ tội phạm mà bị cáo C đã thu lợi của

những người liên quan, tổng cộng là: 38.569.862đ (Ba mươi tám triệu năm trăm sáu chín nghìn tám trăm sáu hai đồng). Trong đó bao gồm:

+ Truy thu tịch thu số tiền lãi tương ứng mức lãi xuất 20%/năm mà bị cáo C đã thu lợi từ số tiền gốc cho chị Hà Thị Q vay là: 19.117.808đ (Mười chín triệu một trăm mười bảy nghìn tám trăm lẻ tám đồng).

+ Tịch thu số tiền lãi tương ứng mức lãi xuất 20%/năm mà bị cáo C đã thu lợi từ số tiền gốc cho chị Hà Thị Q vay là: 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Số tiền này hiện đang tạm giữ tại tài khoản tạm giữ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân: 3949-9013005 mở tại Kho bạc nhà nước huyện Như Xuân, theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số CT: 0001745 ngày 15/7/2019

+ Truy thu tịch thu số tiền lãi tương ứng mức lãi xuất 20%/năm mà bị cáo C đã thu lợi từ số tiền gốc cho chị Hà Thị Th vay là: 13.479.452đ (Mười ba triệu bốn trăm bảy chín nghìn bốn trăm năm hai đồng).

+ Truy thu tịch thu số tiền lãi tương ứng mức lãi xuất 20%/năm mà bị cáo C đã thu lợi từ số tiền gốc cho chị Lữ Thị Th1 vay là: 1.972.602đ (Một triệu chín trăm bảy hai nghìn sáu trăm lẻ hai đồng).

Về phần án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 6; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Q số 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Bá C phải chịu 200.000 đ tiền án phí HSST.

Trường hợp bản án Q định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th2 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, có mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Như Xuân;
- Công an huyện Như Xuân;
- Chi cục THA DS huyện Như Xuân;
- Bị cáo; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- L hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Công Tuấn